

Số: *21* /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày *16* tháng 6 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn  
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ SÁU (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;  
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6  
năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của  
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2021 của  
Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh  
nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-BNN-TCTL ngày 21 tháng 02 năm 2022  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch  
thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến  
năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Xét Tờ trình số 64/TTr-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị quyết định chủ trương đầu tư Dự án  
cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn  
2022 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;  
ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án cấp nước sinh hoạt tập trung  
nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025, cụ thể như sau:

### 1. Mục tiêu đầu tư:

a) Mục tiêu chung: Góp phần hoàn thành mục tiêu Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025; đảm bảo an ninh, an toàn nguồn nước và công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn; đảm bảo công tác quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý và bền vững nguồn tài nguyên nước trong điều kiện biến đổi khí hậu.

#### b) Mục tiêu cụ thể:

- Đến hết năm 2025 đạt tỷ lệ 98% người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh;

- Đảm bảo công trình hoạt động bền vững và duy trì cấp nước ổn định phục vụ cho khoảng 10.851 hộ dân (trong đó: Cấp mới khoảng 5.068 hộ; cấp nước bền vững khoảng 5.783 hộ).

2. Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng mới và sửa chữa, cải tạo, nâng cấp 23 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh, trong đó: Xây mới 06 công trình; sửa chữa, nâng cấp, mở rộng 17 công trình:

- Huyện Phú Lương:

+ Xây mới: 01 công trình;

+ Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng: 01 công trình.

- Huyện Đại Từ:

+ Xây mới: 03 công trình;

+ Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng: 03 công trình.

- Huyện Định Hóa sửa chữa, nâng cấp, mở rộng: 02 công trình.

- Huyện Võ Nhai:

+ Xây mới: 01 công trình;

+ Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng: 07 công trình.

- Huyện Đồng Hỷ:

+ Xây mới: 01 công trình;

+ Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng: 03 công trình.

- Huyện Phú Bình sửa chữa, nâng cấp, mở rộng: 01 công trình.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 108.438 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách địa phương vốn đầu tư công (từ nguồn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh).

**6. Địa điểm thực hiện dự án:**

Trên địa bàn các huyện: Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai, Phú Bình, Đông Hy thuộc tỉnh Thái Nguyên.

**7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022 - 2025.****8. Tiến độ thực hiện dự án:**

Năm 2022 - 2025: Hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt dự án; triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật; nghiệm thu, bàn giao đưa dự án vào sử dụng.


**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật liên quan.


**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ sáu (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2022. 

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND. 

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

Phụ lục

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SINH HOẠT NÔNG THÔN TẬP TRUNG XÂY DỰNG MỚI  
VÀ SỬA CHỮA, NÂNG CẤP, MỞ RỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2022 - 2025  
(Kèm theo Nghị quyết số 21 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên công trình	Địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô (hộ)	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Nguồn nước khai thác
<b>I</b>	<b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG MỚI</b>		<b>3.149</b>	<b>62.980</b>		
1	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Long, huyện Đông Hồ	Xã Tân Long, huyện Đông Hồ	341	6.820	2022 - 2023	Nước ngầm
2	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Quân Chu, huyện Đại Từ	Xã Quân Chu, huyện Đại Từ	609	12.180	2023 - 2024	Nước mặt
3	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Yên Trạch, huyện Phú Lương	Xã Yên Trạch, huyện Phú Lương	544	10.880	2023 - 2024	Nước ngầm
4	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Phú Thịnh, huyện Đại Từ	Xã Phú Thịnh, huyện Đại Từ	530	10.600	2024 - 2025	Nước ngầm
5	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai	Xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai	425	8.500	2023 - 2024	Nước ngầm
6	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Na Mao, huyện Đại Từ	Xã Na Mao, huyện Đại Từ	700	14.000	2022 - 2023	Nước mặt

II	DANH MỤC CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA, NÂNG CẤP, MỞ RỘNG	SỬA CHỮA, NÂNG CẤP,	7.702	45.458		
1	Công trình sửa chữa nâng cấp, mở rộng cấp nước sinh hoạt xóm Làng Ngõa, xóm Khuôn Lang, xã Tân Thịnh, huyện Định Hóa	Xóm Làng Ngõa, xã Tân Thịnh, huyện Định Hóa	373	4.125	2023 - 2024	Nước mặt
2	Công trình sửa chữa, nâng cấp mở rộng cấp nước sinh hoạt xóm Kẹ, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	Xóm Kẹ, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	108	1.195	2022 - 2023	Nước mặt
3	Công trình sửa chữa, nâng cấp mở rộng cấp nước sinh hoạt xóm Cây Ngải, xã Phúc Lương, huyện Đại Từ	Xóm Cây Ngải, xã Phúc Lương, huyện Đại Từ	304	3.362	2022 - 2023	Nước mặt
4	Công trình sửa chữa, nâng cấp mở rộng cấp nước sinh hoạt xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	1.250	6.500	2023 - 2024	Nước mặt
5	Công trình sửa chữa, nâng cấp mở rộng cấp nước sinh hoạt xã Hà Châu, huyện Phú Bình	Xã Hà Châu, huyện Phú Bình	778	5.400	2022 - 2023	Nước Ngâm
6	Công trình sửa chữa, nâng cấp mở rộng cấp nước sinh hoạt xã Hòa Thượng, huyện Đông Hỷ	Xã Hòa Thượng, huyện Đông Hỷ	3.000	7.500	2022 - 2023	Nước Ngâm
7	Công trình sửa chữa, nâng cấp mở rộng cấp nước sinh hoạt liên xóm Phú Đô, Phú Thọ, Vu 1, xã Phú Đô, huyện Phú Lương	Xóm Phú Đô, Phú Thọ, Vu 1, xã Phú Đô, huyện Phú Lương	200	1.840	2024 - 2025	Nước mặt
8	Công trình sửa chữa, nâng cấp, mở rộng cấp nước sinh hoạt xóm Cao Chùa, xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ	Xóm Cao Chùa, xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ	500	4.600	2024 - 2025	Nước mặt

9	Công trình sửa chữa, nâng cấp mở rộng cấp nước sinh hoạt Đông Mỏ, xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai	Xóm Đông Mỏ, xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai	134	1.233	2024 - 2025	Nước mặt
10	Công trình sửa chữa, nâng cấp mở rộng cấp nước sinh hoạt Nà Đông, xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai	Xóm Nà Đông, xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai	135	1.242	2024 - 2025	Nước mặt
11	Công trình sửa chữa, nâng cấp mở rộng cấp nước sinh hoạt Làng Mười, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai	xóm Làng Mười, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai	100	920	2024 - 2025	Nước mặt
12	Công trình sửa chữa, nâng cấp mở rộng cấp nước sinh hoạt xóm Vang, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	Xóm Vang, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	130	1.190	2022 - 2023	Nước mặt
13	Công trình sửa chữa, nâng cấp mở rộng cấp nước sinh hoạt Trung tâm (xóm Kim Sơn), xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	Trung tâm (xóm Kim Sơn), xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	134	1.233	2025	Nước mặt
14	Công trình sửa chữa, nâng cấp mở rộng cấp nước sinh hoạt xóm Tân Lập, xã Văn Lãng, huyện Đông Hỷ	Xóm Tân Lập, xã Văn Lãng, huyện Đông Hỷ	135	1.242	2023 - 2024	Nước mặt
15	Công trình sửa chữa, nâng cấp mở rộng cấp nước sinh hoạt xóm Văn Văn Khánh, xã Văn Lãng, huyện Đông Hỷ	Xóm Văn Khánh, xã Văn Lãng, huyện Đông Hỷ	135	1.242	2023 - 2024	Nước mặt
16	Công trình sửa chữa, nâng cấp mở rộng cấp nước sinh hoạt xóm Làng Lai, xóm Trúc Mai, xã La Hiên, huyện Võ Nhai	Xóm Làng Lai, xóm Trúc Mai, xã La Hiên, huyện Võ Nhai	142	1.309	2024 - 2025	Nước mặt
17	Công trình sửa chữa, nâng cấp mở rộng cấp nước sinh hoạt xóm Quyết Tiến, xã Bình Thành, huyện Định Hóa	Xóm Quyết Tiến, xã Bình Thành, huyện Định Hóa	144	1.325	2023 - 2024	Nước mặt
	<b>Cộng I+II</b>		<b>10.851</b>	<b>108.438</b>		

